



Năm khai thác	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Công suất	3.200	3.100	2.900	2.650	2.300	2.300	2.200	1.797

Thời hạn khai thác đến hết năm 2025.

Công ty có Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới mỏ tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan thực hiện ngày 24 tháng 6 năm 2009; có Quyết định số 81/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Cọc Sáu-Vinacomin phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán xây dựng công trình khai thác mỏ than Cọc Sáu-TKV; đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; đã lập bản đồ hiện trạng khai thác; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 0038/QĐ-TCS ngày 23 tháng 4 năm 2013 kèm theo văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản. Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả nổ mìn làm toi đất đá (hợp đồng số 5163/HCMCP-KHSX ngày 25 tháng 12 năm 2012); có Quyết định số 850/QĐ-HĐTLKS ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc phê duyệt trữ lượng than trong báo cáo tổng hợp tài liệu và tính lại trữ lượng than khu mỏ Đèo Nai- Cọc Sáu, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có Quyết định số 1550/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình mỏ than Cọc Sáu- Công ty cổ phần than Cọc Sáu-TKV”; có Quyết định số 1154/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Dự án cải tạo phục hồi môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần than Cọc Sáu-TKV”. Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường với số tiền là 21.460.735.000 đồng theo các Giấy xác nhận số 150/GXN-QBVMT ngày 27 tháng 12 năm 2012 và số 72/GXN-QBVMT ngày 22 tháng 02 năm 2013 tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh; đã thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm theo nội dung Báo cáo ĐTM được phê duyệt; có sổ đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000184 T ngày 15 tháng 3 năm 2013; đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện; có Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất để làm khai trường khai thác than, khu sàng tuyển và mặt bằng sản công nghiệp tại các phường: Mông Dương, Cửa Ông, Cẩm Phú, Cẩm Phả, thành phố Cẩm Phả, thời hạn thuê đất đến hết năm 2025; có Hợp đồng thuê đất số 62/HĐTĐ ngày 01 tháng 8 năm 2011 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê là S = 1.003.243 m<sup>2</sup> để sử dụng làm nhà xưởng, khu khai trường khai thác than và bãi thải tại phường Cẩm Phú, thị xã Cẩm Phả, thời hạn thuê đất là 5 năm; Hợp đồng thuê đất số 101/HĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường



tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là  $S = 710.208,3 \text{ m}^2$  để sử dụng làm khai trường khai thác than, bãi thải, nhà xưởng, thời hạn thuê đất đến 08 tháng 02 năm 2016; có Giấy phép khai thác nước dưới đất số 247/GP-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, tổng lượng nước khai thác  $100\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm để cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên tại văn phòng của Công ty, thời hạn khai thác là 10 năm.

*Về công tác thăm dò than:* Ngày 17 tháng 9 năm 2008, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2384/QĐ-TN phê duyệt khối lượng thi công và dự toán phương án thăm dò bổ sung vỉa GI gằm mỏ than Cọc Sáu (phục vụ khai thác hầm lò) và sau đó ngày 03 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có Quyết định số 2947/QĐ-TN phê duyệt điều chỉnh dự toán phương án thăm dò bổ sung nêu trên. Tiếp theo, ngày 16 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2901/QĐ-TKV phê duyệt khối lượng thi công và dự toán năm 2009 phương án thăm dò bổ sung Vỉa GI gằm mỏ than Cọc Sáu và giao Công ty cổ phần than Cọc Sáu là chủ đầu tư ký hợp đồng với Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI để thi công (khối lượng đã thi công  $5018,9 \text{ m}/20 \text{ LK}$ . Các lỗ khoan sâu hơn mức cho phép gồm: LK458 khoan đến cost  $-402\text{m}$ , LK466 khoan đến cost  $-405\text{m}$ , LK476 khoan đến cost  $-547\text{m}$ ).

## **2. Các vi phạm, tồn tại**

2.1. Chưa thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác.

2.2. Bản thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công có một số nội dung không phù hợp với nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về trữ lượng và công suất khai thác, cụ thể là: Trữ lượng than và công suất khai thác theo Giấy phép là  $51.947.000$  tấn và  $3.500.000$  tấn/năm, trong khi trữ lượng than và công suất khai thác xác định trong Bản thuyết minh thiết kế tương ứng là:  $56.526.000$  tấn và  $3.600.000$  tấn/năm.

2.3. Năm 2010 và 2011 đã khai thác vượt công suất quy định tại giấy phép khai thác, cụ thể là năm 2010 khai thác  $3.633.000$  tấn (vượt  $133.000$  tấn); năm 2011 khai thác  $3.629.000$  tấn (vượt  $129.000$  tấn).

2.4. Bản đồ hiện trạng khai thác lập năm 2011 chưa đúng quy định, cụ thể là: Tên bản đồ là Bản đồ thực hiện năm và trên bản đồ chưa thể hiện vị trí, ranh giới bãi đổ đất, đá thải.

2.5. Công ty đã hợp đồng với Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI, Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV để thi công khoan thăm dò 20 lỗ khoan, trong đó có 03 lỗ khoan sâu hơn chiều sâu quy định tại Giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản cho phép.

2.6. Chưa hoàn thành việc thuê đất tại khu vực bãi thải Đông Cao Sơn-Khe Rè.

2.7. Chưa hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định.

2.8. Chưa hoàn thành việc xin cấp lại Giấy phép khai thác nước dưới đất để cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên công trường mỏ.

2.9. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

## **II. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm**

1. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển đến Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đề ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi: Khai thác vượt quá công suất quy định tại giấy phép khai thác; không thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 02 tháng 6 năm 2013).

2. Yêu cầu Công ty:

a) Thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác.

b) Điều chỉnh thuyết minh thiết kế thi công phù hợp với nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về trữ lượng và công suất khai thác và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

c) Khai thác đúng công suất quy định tại Giấy phép khai thác.

d) Lập bản đồ hiện trạng khai thác đầy đủ nội dung theo quy định.

đ) Hoàn thành việc thuê đất tại khu vực bãi thải Đông Cao Sơn-Khe Rè.

e) Hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước.

f) Hoàn thành việc xin cấp lại Giấy phép khai thác nước dưới đất.

g) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

### ***Nơi nhận:***

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiền | (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty cổ phần than Cọc Sáu-Vinacomin;
- Lưu VP, KSHĐKS.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Thuán**